



CÔNG TY CỔ PHẦN PETECH BÌNH ĐỊNH

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021, KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Kính thưa Quý vị Cổ đông, các ông/bà HĐQT, BKS.

Thay mặt Ban TGD Công ty Cổ phần Petec Bình Định, tôi xin nhiệt liệt chào mừng và cảm ơn toàn thể Quý vị đã dành thời gian tham dự buổi họp ĐHĐCD ngày hôm nay.

Căn cứ các quy định của pháp luật, căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Petec Bình Định, thay mặt Ban TGD, tôi báo cáo với các Quý vị cổ đông và các ông/bà HĐQT, BKS về các mặt hoạt động của Công ty, kết quả hoạt động của sản xuất kinh doanh năm 2021 và Kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ và định hướng hoạt động kinh doanh năm 2022 với các nội dung chính như sau:

I. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2021:

1. Đặc điểm tình hình:

1.1- Thuận lợi:

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành quản lý được HĐQT đặc biệt quan tâm, liên tục thực hiện sát sao, qua đó kịp thời ứng phó với tình hình dịch bệnh cũng như trong quá trình tái cơ cấu tổ chức, khôi phục sản xuất kinh doanh giai đoạn sau dịch.

Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc cùng toàn thể người lao động Công ty phát huy tốt ý thức trách nhiệm, đoàn kết, gắn bó, nỗ lực vượt qua khó khăn, thử thách.

1.2-Khó khăn:

Kể từ tháng 5/2021 - sau khi dịch bệnh tái bùng phát, mọi hoạt động kinh doanh liên quan đến thương mại và dịch vụ đều bị ngưng trệ, vận chuyển bị đứt gãy, ngất quãng; hoạt động bán lẻ xăng dầu và bán buôn xi-măng của Công ty bị suy giảm nặng nề. Mặt khác, sức cạnh tranh của các ngành hàng kinh doanh của Công ty bị suy giảm trong các năm qua. Hai mảng kinh doanh chính của Công ty là xăng dầu và xi-măng phải đối mặt với rất nhiều khó khăn ở cả yếu tố khách quan và nội lực của doanh nghiệp. Chi phí cầu cảng, bốc dỡ tại các cảng tiếp tục tăng cao trong năm 2021 là trở ngại lớn đối với ngành hàng xi-măng; Trong khi đó, điều kiện kinh doanh của khâu bán buôn xăng dầu là giấy phép thương nhân phân phối vẫn chưa được khôi phục, nên Công ty vẫn phải tiếp tục chịu áp lực về chi phí cao trong cả khâu thu mua và cung ứng. Đối với mảng kinh doanh mặt bằng, tuy chi phí thuê đất chưa trực tiếp tác động trong năm 2021 (chi phí này bắt đầu tăng – theo chu kỳ 5 năm, kể từ năm 2022), nhưng do tình hình dịch bệnh diễn biến xấu, thành phố và các huyện thị xã liên tục ban hành

các lệnh giãn cách nên mảng kinh doanh này vì thế cũng chịu tác động, doanh số sụt giảm mạnh..

2. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021:

2.1- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch:

	Thực hiện Năm 2021	So với Kế hoạch
Doanh thu	289 tỷ 594 triệu đồng	93,3%
Lợi nhuận sau thuế	3 tỷ 537 triệu đồng	Kế hoạch không lỗ
Cổ tức	0%	100%

(Kèm theo Bảng chi tiết kết quả kinh doanh - Biểu số 1)

Trong đó, các mảng kinh doanh chính đóng góp cụ thể như sau:

- Xăng dầu : Doanh thu đạt 149,5 tỷ đồng, sản lượng bán ra đạt 9,41 triệu lít (vượt 21% kế hoạch đề ra). Tuy nhiên, doanh thu và sản lượng này giảm đáng kể so với năm 2020, do mất khâu bán buôn (Năm 2020: Doanh thu 225,7 tỷ đồng, sản lượng: 18,1 triệu lít).
- Xi-măng : Doanh số 137 tỷ đồng, đạt sản lượng 106 ngàn tấn, hoàn thành 73,4% kế hoạch đề ra, đạt 72,4% so với sản lượng bán ra năm 2020.

2.2- Các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021:

Trên cơ sở Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2021 đã đặt ra, trong đó nhiệm vụ trọng tâm là duy trì sức mua bán, giữ thị trường, phấn đấu không để lỗ và đảm bảo việc làm - đời sống cho người động, Tập thể lãnh đạo và CBNV Công ty đã đoàn kết - chủ động theo tình hình thực tế, duy trì công tác bán hàng trong bối cảnh dịch bệnh, phối hợp với Nhà sản xuất để hỗ trợ thị trường, cố gắng kiểm soát và thực hiện đạt kết quả nhiệm vụ thu hồi nợ, ... vừa khắc phục khó khăn nhằm đạt mục tiêu trước mắt là giữ được vốn và đảm bảo duy trì công ăn việc làm cho người lao động, vừa có thể đảm bảo các mục tiêu dài hạn, tiến tới phát triển ổn định trở lại giai đoạn sau dịch.

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 của Công ty đã hoàn thành 93,2% kế hoạch về doanh thu, tổng lợi nhuận toàn Công ty đạt 3,537 tỷ đồng.

Trong năm, hoạt động kinh doanh của Công ty không làm phát sinh thêm nợ xấu.

Chi tiết các mảng kinh doanh:

Đối với ngành hàng kinh doanh xăng dầu:

Do từ đầu Quý II/2021, công ty không còn duy trì được mảng bán buôn xăng dầu (Công ty không đủ điều kiện làm thương nhân phân phối) dẫn tới việc doanh thu mảng xăng dầu sụt giảm nghiêm trọng. Hiện tại công ty chỉ duy trì hoạt động bán lẻ xăng dầu tại 05 cửa hàng. Lợi nhuận từ bán lẻ xăng dầu năm 2021 đạt 2,5 tỷ đồng, tuy nhiên nhìn chung con số này còn chưa tương xứng với tiềm năng hiện có của Công ty tại mảng kinh doanh này.

Đối với ngành hàng kinh doanh xi măng:

Năm 2021 - mặc dù ngành hàng xi-măng đã có những nỗ lực, song do cạnh tranh gay gắt, trở ngại trong vận chuyển do dịch Covid, cùng chi phí vận chuyển và dịch vụ cầu cảng

ngày càng tăng cao,... đã khiến cho hoạt động kinh doanh của nhóm hàng này suy giảm cả về sản lượng và lợi nhuận. Bên cạnh đó, công tác phối kết hợp với các đơn vị sản xuất để hình thành kho cảng xi-măng không đạt kết quả mong đợi vì nhiều lý do. Vấn đề này cũng góp phần làm suy giảm sức cạnh tranh của mặt hàng xi-măng có chất lượng cao mà Công ty đang kinh doanh. Kết quả kinh doanh của nhóm hàng này năm 2021 lỗ, trong đó sản lượng bán ra năm 2021 là 106 ngàn tấn, chỉ đạt 73% kế hoạch, giảm 28% so với năm 2020).

Đối với các dịch vụ khai thác tài sản trên đất:

Mảng kinh doanh các tài sản khai thác cho thuê tài sản trên đất (cửa hàng, nhà xưởng, ...), hợp tác kinh doanh của công ty năm 2021 cũng gặp nhiều khó khăn, do tình khó khăn chung của đại dịch Covid-19. Doanh thu từ mảng kinh doanh này chưa đạt được như kỳ vọng, một số khách hàng lớn hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh nhà hàng ăn uống bị ảnh hưởng nặng nề, Công ty phải giảm lợi nhuận hợp tác tương ứng với thời gian giãn cách xã hội của cơ quan chính quyền địa phương.

3. Về tình hình đầu tư:

Trong 2021, Công ty không phát sinh công tác đầu tư.

4. Về công tác tài chính:

a) Tình hình tài sản:

Giá trị tài sản cố định có đến 31/12/2021 là 27.868.104.177 đồng. Các tài sản của Công ty đều được khai thác sử dụng đạt hiệu quả.

Đối với tình hình nợ phải thu:

Tại thời điểm 31/12/2021, tất cả các khoản nợ phải thu của Công ty đều được đối chiếu với khách hàng. Tổng nợ phải thu đến 31/12/2021 là: 21.071.238.468 đồng, giảm 46% so với năm trước.

Công tác quản lý nợ và thu hồi nợ tiếp tục là một nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2022, nhằm đảm bảo an toàn tài chính và tăng hiệu quả sử dụng vốn.

b) Tình hình nợ phải trả:

Tổng nợ phải trả người bán đến 31/12/2021: 1.237.456.707 đồng.

Trong năm không có biến động lớn về các khoản nợ phải trả. Đối với nợ phải thu, ở các tháng cuối năm, Công ty đã tập trung lớn vào công tác thu hồi nợ, qua đó tỷ lệ rút giảm đạt 46% so với thời điểm đầu năm. Công ty đã luôn thực hiện việc giám sát chặt chẽ công tác tài chính, gán trách nhiệm người lao động trong việc sử dụng tài sản của Công ty, thực hiện tốt công tác quản lý tiền hàng, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

5. Về tổ chức, lao động:

Về cơ bản Công ty giữ nguyên cơ cấu, quy mô tổ chức nhân sự của Công ty so với thời điểm 31/12/2020.

Trong bối cảnh tình hình kinh doanh của Công ty còn gặp nhiều khó khăn, song đời sống, công ăn việc làm, thu nhập của người lao động được ổn định, thu nhập bình quân đạt khoảng 5,5 triệu đồng/người/tháng. Các dịp lễ tết Công ty đều kịp thời khen thưởng động viên, tạo sự gắn bó giữa người lao động và Công ty.

6. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Về tài chính:

- Công nợ rút giảm từ 32,8 tỷ xuống dưới 20 tỷ (thời điểm 31/12/2021), tăng khả năng sinh lời của tài sản.
- Các mảng kinh doanh xi măng, xăng dầu đạt được mức lợi nhuận cải thiện đáng kể từ tháng 11/2021 đến nay do đã tiết giảm được một số chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Về tổ chức:

- Ổn định được bộ máy tổ chức giai đoạn sau dịch bệnh, đảm bảo đời sống, thu nhập cho người lao động.
- Ban TGDĐ được bổ nhiệm mới (từ 04/11/2021) đã thực hiện các bước kiện toàn lại bộ máy cấp phòng, có kế hoạch đào tạo lại cán bộ theo hướng nâng cao chất lượng làm việc, năng suất lao động; Hệ thống hóa các quy trình nghiệp vụ cho từng phòng ban đơn vị, tiến đến nâng cao hiệu suất làm việc, tổ chức lại bộ máy theo hướng chuyên môn hóa sâu vào từng bộ phận, phòng ban, đáp ứng yêu cầu phát triển mới.

Có thể nói trong năm qua Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh trong điều kiện nền kinh tế nhiều biến động, cực kỳ khó khăn, thị trường có sự cạnh tranh quyết liệt, ... Tuy nhiên, với những cố gắng nỗ lực không ngừng của tập thể lãnh đạo, CBNV, hoạt động kinh doanh Công ty tiếp tục ổn định, kinh doanh có hiệu quả, việc làm và thu nhập của người lao động được đảm bảo. Có được những thành quả trên, trước hết là nhờ sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát và quản lý điều hành có hiệu quả của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, cùng với tinh thần đoàn kết của toàn thể CBNV Công ty trong các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh.

II. KẾ HOẠCH SX-KD NĂM 2022:

1. Dự báo tình hình:

Năm 2022, Chính phủ Việt Nam đã có những chính sách quyết liệt, bằng các chương trình phục hồi kinh tế bền vững vừa đủ liều lượng, vừa trúng mục tiêu, thực thi hiệu quả; Qua đó, đưa nền kinh tế bước vào giai đoạn phát triển mới, xây dựng Việt Nam là điểm đến an toàn của thế giới. Các tổ chức quốc tế uy tín đều đánh giá Việt Nam có khả năng phục hồi trở lại cao ở mức 6% đến 6,5% vào năm 2022 trong bối cảnh mà dịch bệnh được kiểm soát, tỷ lệ tiêm chủng được phủ rộng và biến chủng mới Omicron không gây ra nhiều thiệt hại đối với nền kinh tế.

Và như đã biết, chiến sự Nga – Ucraina đã gây ra cú sốc lớn về nguồn cung thế giới, hệ lụy là lạm phát tăng mạnh từ giữa tháng 3 đến nay, đồng thời tác động rất xấu đến an ninh lương thực, năng lượng toàn cầu,... Nhìn chung, chiến sự diễn ra ngay sau dịch Covid - sẽ nối dài chuỗi ngày ảm đạm của kinh tế toàn cầu, trong đó các nước đang phát triển đã và đang chịu nhiều thiệt hại hơn cả.

Tình hình này đã tác động đến các mảng kinh doanh của Công ty, cụ thể trước mắt là giá cước vận tải tăng và tiếp tục tăng trong thời gian đến; Tình trạng khó khăn trong đặt hàng xăng dầu do giá biến động liên tục, tiềm ẩn rủi ro, ... Tuy nhiên cũng có thể thấy rằng các lĩnh vực kinh doanh của Công ty như xăng dầu, xi măng, thực phẩm, nông nghiệp và các vật liệu xây dựng khác đều là những mặt hàng mang tính thiết yếu trong cuộc sống, do đó cơ hội để phát triển trong năm 2022 là còn nhiều tiềm năng. Tóm lại, tuy có sự tác động lớn từ chiến sự

Nga – Ucraina, nhưng với những dấu hiệu cho thấy nhu cầu xã hội tại Bình Định cũng như các tỉnh miền Trung Tây Nguyên đang trên đà hồi phục - trong điều kiện dịch bệnh được kiểm soát tốt như hiện nay, hoạt động kinh doanh của Công ty nếu được tổ chức tốt - sẽ từng bước ổn định và phát triển trong năm 2022.

2. Kế hoạch kinh doanh năm 2022:

a. Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2022:

Trên cơ sở tình hình thực tế thị trường, Công ty tiến hành xây dựng kế hoạch năm 2022, cụ thể như sau:

- Doanh số bán ra : 2.030 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 20 tỷ đồng
- Mức chia cổ tức : 0% / năm

Trong đó, các ngành hàng chính:

- Xi măng: Kế hoạch bán ra là 175 ngàn tấn, tăng 64% so với năm 2021;
- Xăng dầu: Kế hoạch bán ra là 40,7 triệu lít, tăng 8,8 lần so với năm 2021.

(Kèm theo Bảng chi tiết kế hoạch kinh doanh 2022 - Biểu số 2)

b. Một số định hướng chính trong hoạt động của năm 2022:

- Ổn định, tiến tới phát triển bền vững các mảng kinh doanh truyền thống là xăng dầu và xi-măng, trong đó chú trọng việc xây dựng chính sách bán hàng có sức cạnh tranh nhằm phát triển kênh bán ở mảng kinh doanh xi-măng, và gây dựng lại cơ sở vật chất của mảng kinh doanh xăng dầu (gồm kho, các điều kiện phục vụ cho thương nhân đầu mối).
- Xem xét đầu tư một số mặt bằng tại địa bàn thành phố Quy Nhơn nhằm nâng cao hiệu quả khai thác; Tìm kiếm - mở thêm một số điểm cửa hàng xăng dầu trong tỉnh Bình Định.
- Tăng cường công tác quản trị, chú trọng phát triển bền vững; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý tài chính, không để nợ xấu phát sinh, quyết liệt thu hồi các khoản nợ đọng. Nâng cao khả năng quản lý và khai thác tài sản hiện có.
- Thực hiện nâng cao trách nhiệm quản lý, thực hiện các giải pháp để năng suất lao động đáp ứng yêu cầu phát triển.

3. Các giải pháp thực hiện:

Trong bối cảnh nhiều khó khăn như hiện nay, để hoàn thành mục tiêu đề ra, hoạt động kinh doanh của Công ty cần thực hiện tốt các giải pháp sau:

a. Giải pháp kinh doanh:

- Về kinh doanh xi-măng:

Hoạt động kinh doanh xi-măng sẽ bị tác động bởi các yếu tố đầu vào do lạm phát và chi phí nhiên liệu tăng cao; Ban Tổng Giám đốc sẽ chủ động triển khai các giải pháp cụ thể như sau:

- Tiếp tục hợp tác chặt chẽ với các mặt hàng xi măng Công ty đang độc quyền, và các mặt hàng đạt chất lượng tốt, phù hợp với thị hiếu tiêu dùng của thị trường. Làm việc

chặt chẽ với Nhà cung cấp để xây dựng chính sách phù hợp với thị trường, nâng sức cạnh tranh. Nghiên cứu mở rộng và ký kết làm nhà Phân phối độc quyền hoặc tổng đại lý của một số hãng xi măng khác để đa dạng hóa mặt hàng. Tăng cường công tác quản lý liên quan đến các hoạt động bốc xếp, vận chuyển, cơ chế chiết khấu, công tác thu hồi nợ,... để tối đa hóa lợi nhuận; Ổn định công tác làm hàng tại cảng, với đơn vị vận chuyển, hạn chế đứt gãy nguồn cung hàng hóa; Xây dựng lại kênh bán theo hướng nâng cao sản lượng bán ra trên từng đại lý, đi đôi với mở rộng hệ thống.

- Xây dựng lại bộ phận thị trường. Song song với kinh doanh xi-măng, sẽ nghiên cứu mở rộng các ngành nghề liên quan đến ngành hàng VLXD khác.
- Đào tạo lại đội ngũ bán hàng, thiết lập lại hệ thống quản trị bán hàng tại đơn vị.
- Về kinh doanh xăng dầu:
 - Đổi mới kinh doanh xăng dầu, đẩy nhanh tiến độ khôi phục giấy phép thương nhân phân phối ngay trong Quý I/2022, từ đó triển khai ký kết với các đại lý phân phối khác nhằm tăng sản lượng tiêu thụ hàng tháng
 - Tái thiết lập kho trung chuyển dầu An Phú.
 - Xây dựng lại công tác quản lý khoán ở các cửa hàng xăng dầu trực thuộc của công ty, đảm bảo minh bạch, đạt hiệu quả.
 - Mở rộng kinh doanh các mặt hàng khác thuộc nhóm xăng dầu như dầu nhớt, mỡ, dầu thủy lực, khí gas,...

- Về quản lý sử dụng và khai thác các tài sản, cơ sở vật chất:

Khung giá đất thuê giai đoạn 5 năm (2020-2024) theo quyết định UBND Tỉnh có biên độ tăng giá rất cao từ 25% - 35%. Trước tình hình này, Công ty sẽ phải nghiên cứu giải pháp lâu dài để sử dụng đất thuê phù hợp với quy định của Nhà nước và có được hiệu quả khi khai thác tài sản trên đất, như hợp tác với các chuỗi hệ thống thương hiệu lớn, nâng cao doanh thu và có tính bền vững, đồng thời, Công ty cũng sẽ xem xét thực hiện đầu tư vào một số mặt bằng cụ thể để nâng hiệu suất khai thác.

b. Giải pháp về tài chính:

- Thường xuyên rà soát, hoàn thiện, bổ sung các quy chế quản lý kinh doanh như: quy chế quản lý nợ, quy chế bán hàng ... bảo đảm thuận lợi cho phát triển kinh doanh, bảo toàn vốn và theo đúng quy định pháp luật của Nhà nước. Nâng cao hiệu quả quản lý tài chính, triệt để tiết kiệm chi phí;
- Đối với công tác quản lý nợ phải thu: Tập trung và quyết liệt công tác thu hồi nợ, không để phát sinh thêm nợ xấu,... Nâng tỷ trọng đảm bảo an toàn công nợ bằng bảo lãnh ngân hàng/tài sản đảm bảo; Công ty sẽ thực hiện cơ chế bán hàng linh động, kích thích trả tiền ngay của khách hàng, khắc phục những hạn chế của Quy chế quản lý nợ phải thu (lập từ năm 2013) của Công ty hiện nay, giảm thiểu nợ quá hạn; chế tài đối với các cá nhân, bộ phận liên quan để xảy ra nợ dây dưa, khó đòi;
- Cơ chế khoán của Công ty cho khâu bán lẻ xăng dầu mặc dù tạo sự linh hoạt trong cơ chế bán hàng thời gian qua, song không thể đáp ứng yêu cầu phát triển ngành hàng này của Công ty thời gian đến. Ban điều hành Công ty sẽ tiếp tục cải tiến hình thức

giao khoán này trong năm 2022 theo hướng kích thích tăng sản lượng và chất lượng dịch vụ.

c. Giải pháp về tổ chức, lao động:

- Thực hiện các giải pháp công nghệ để nâng cao năng suất thông qua áp dụng quy trình làm việc. Người lao động phải đảm bảo đáp ứng được yêu cầu - khối lượng công việc; Có biện pháp để nâng cao trình độ người lao động thường xuyên và có hiệu quả.
- Xây dựng KPI phù hợp, hoàn thiện cơ chế lương thưởng, chính sách tuyển dụng, các chế tài lao động (như Nội quy, hành lang pháp lý quy định ứng xử lao động), lộ trình thăng tiến,... nhằm kích thích khả năng nhu cầu cầu học hỏi, phấn đấu của người lao động, tuyển dụng - giữ chân được người giỏi,... mục tiêu là nâng cao hiệu quả lao động, từ đó phân phối thu nhập tương xứng.
- Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ/NK5-HĐQT ngày 25/2/2022, Chủ tịch HĐQT đã ban hành quyết định số 07/2022/GCB/QĐ-HĐQT về việc thành lập Phòng Đầu tư, thực hiện nhiệm vụ tham mưu giúp việc cho HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty trong công tác xúc tiến và quản lý đầu tư, phát triển các dự án theo định hướng của Công ty.

Tóm lại, Công ty đã rất nỗ lực vượt qua năm 2021 đầy khó khăn. Việc có được lợi nhuận, duy trì ổn định đời sống CBNV là cố gắng lớn của Công ty trong năm qua. Năm 2022 sẽ là năm có rất nhiều thử thách. Tuy nhiên với quyết tâm của Ban lãnh đạo mới, với cách làm mới, cùng với sự đoàn kết của tập thể cán bộ nhân viên - vì sự phát triển của Công ty, cùng niềm tin - sự tin tưởng của tập thể Quý vị cổ đông trong suốt nhiều năm qua, ... tin chắc Công ty sẽ hoàn thành các chỉ tiêu đề ra cũng như đạt được các mục tiêu chiến lược mà Công ty đã và đang hướng đến.

Trân trọng báo cáo Đại hội!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên 2022;
- Lưu P.TH-HC-TH

Quy Nhơn, ngày 28 tháng 06 năm 2022

TM. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG GIÁM ĐỐC



Cau

Ngô Minh Hải

Biểu số 1: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2021

CHỈ TIÊU	Đvt	Thực hiện năm 2021		
		Thực hiện	So với kế hoạch	So với thực hiện 2020
DOANH SỐ SẢN XUẤT / MUA VÀO	Tr.đồng	249.476	83,78%	40,66%
DOANH THU	Tr.đồng	289.594	93,32%	69,26%
D.THU TIÊU THỤ HÀNG HÓA	Tr.đồng	286.691	93,21%	69,13%
Xi-măng	Tr.đồng	137.151	74,30%	72,57%
- Phúc Sơn, Nghi Sơn, Hoàng Long	tấn	106.474	73,43%	71,92%
Xăng dầu	Tr.đồng	149.540	121,58%	66,24%
- Xăng dầu bán buôn	Tr.đồng	22.668	Không xây dựng KH	26,15%
+ Lượng bán ra	1000 lít	1.774	Không xây dựng KH	19,06%
- Xăng dầu bán lẻ	Tr.đồng	126.872	103,15%	91,24%
+ Lượng bán ra	1000 lít	7.614	105,32%	86,27%
D.THU D.VỤ, KHAI THÁC MẶT BẰNG	Tr.đồng	2.903	106,22%	86,45%
KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH				
Tổng doanh thu thuần	Tr.đồng	289.594	93,32%	69,26%
Giá vốn hàng bán	-	261.474	87,81%	67,50%
Chiết khấu hàng mua	-	-	0,00%	-
Lợi nhuận gộp	-	28.120	150,58%	91,45%
Doanh thu hoạt động tài chính	-	363	-	44,31%
Chi phí lãi vay	-	(42)	-	-
Chi phí bán hàng	-	21.749	158,12%	86,06%
Trích lập dự phòng	-	-	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	6.023	156,36%	107,55%
Thu nhập khác	-	3.685	-	195,01%
Lợi nhuận trước thuế	-	4.438	-	334,99%
Thuế phải nộp	-	901	-	309,87%
Lợi nhuận sau thuế	-	3.537	-	342,06%
Tỷ lợi tức cổ phần	%	0	-	-
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ	%	9	-	342,06%

Biểu số 2: KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2022

CHỈ TIÊU	Đvt	Kế hoạch năm 2022	
		Kế hoạch	Tăng / Giảm so với TH 2021
DOANH SỐ MUA VÀO	Tr.đồng	1.977.913	656%
DOANH THU	Tr.đồng	2.030.031	601%
D.THU T.THỤ HÀNG HÓA	Tr.đồng	2.026.772	607%
Xi măng			
+ Doanh thu	Tr.đồng	251.203	83%
+ Số lượng	Tấn	175.000	64%
Xăng dầu		1.525.569	920%
- Xăng dầu bán buôn			
+ Doanh thu	Tr.đồng	1.295.568	5615%
+ Số lượng	1.000 lít	72.000	3909%
- Xăng dầu bán lẻ			
+ Doanh thu	Tr.đồng	230.001	81%
+ Số lượng	1.000 lít	11.040	45%
Khác (nông sản, thực phẩm, VLXD khác,...)	Tr.đồng	250.000	100%
DOANH THU DỊCH VỤ	Tr.đồng	3.259	12%
Doanh thu dịch vụ cho thuê mặt bằng	-	3.259	12%
KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH			
TỔNG DOANH THU	Tr.đồng	2.030.031	601%
Giá vốn hàng bán (bao gồm khấu hao)	-	1.977.914	656%
Chi phí khấu hao		2.030	53%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	52.117	85%
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-
Chi phí tài chính	-	21.956	-
Trong đó, chi phí lãi vay	-	21.956	-
Chi phí bán hàng	-	5.601	-77%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	4.060	-33%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-	20.500	2722%
Thu nhập khác	-	-	-
Chi phí khác	-	500	-
Lợi nhuận khác	-	-500	-
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	Tr.đồng	20.000	351%
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	Tr.đồng	16.000	352%
TỶ SUẤT LỢI TỨC CỔ PHẦN	%	0	-

Biểu số 3: BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Toàn văn Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (đã được kiểm toán): *đăng tải tại trang điện tử của Công ty "petecbidico.com.vn", mục Quan hệ cổ đông / Báo cáo Tài chính.*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		52.105.311.643	57.847.847.564
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		23.636.129.039	6.554.823.133
1. Tiền	111	5	23.636.129.039	6.554.823.133
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		200.000.000	200.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	200.000.000	200.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		20.218.638.136	44.775.974.641
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	21.071.238.468	39.447.214.902
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	1.914.367.380	7.602.006.751
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	324.525.527	324.180.061
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(3.091.493.239)	(2.597.427.073)
IV. Hàng tồn kho	140	11	7.880.683.143	6.084.924.313
1. Hàng tồn kho	141		7.880.683.143	6.084.924.313
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		169.861.325	232.125.477
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	169.861.325	84.297.862
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	108.707.799
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	39.119.816
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		28.949.227.437	30.197.922.424
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		27.868.104.177	23.547.314.403
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	26.967.456.177	22.646.666.403
- Nguyên giá	222		53.062.922.214	50.530.253.030
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.095.466.037)	(27.883.586.627)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	900.648.000	900.648.000
- Nguyên giá	228		900.648.000	900.648.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	5.724.181.224
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	5.724.181.224
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	1.046.067.352	847.666.158
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.479.064.524	5.479.064.524
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(4.432.997.172)	(4.631.398.366)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		35.055.908	78.760.639
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	35.055.908	78.760.639
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		81.054.539.080	88.045.769.988

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		16.431.916.084	26.660.398.028
I. Nợ ngắn hạn	310		15.931.916.084	25.920.398.028
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	1.237.456.707	3.963.398.912
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	1.203.485.781	5.038.687.227
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	1.324.115.202	1.117.431.054
4. Phải trả người lao động	314		2.285.176.034	1.287.055.952
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	460.909.091
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		325.757.576	416.666.667
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19.a	8.875.616.791	7.954.884.460
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	29.527.078	4.918.983.750
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		650.780.915	762.380.915
II. Nợ dài hạn	330		500.000.000	740.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	19.b	500.000.000	740.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		64.622.622.996	61.385.371.960
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	64.622.622.996	61.385.371.960
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	40.391.470.000	40.391.470.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		40.391.470.000	40.391.470.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	21	(54.000.000)	(54.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	17.028.679.974	17.028.679.974
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	7.256.473.022	4.019.221.986
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	21	3.719.221.986	2.985.358.382
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	21	3.537.251.036	1.033.863.604
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		81.054.539.080	88.045.769.988

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	22	289.594.208.758	418.099.676.963
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		289.594.208.758	418.099.676.963
4. Giá vốn hàng bán	11	23	261.473.791.257	387.349.066.398
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>28.120.417.501</u>	<u>30.750.610.565</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	362.795.484	819.359.799
7. Chi phí tài chính	22	25	(42.390.972)	1.262.733.229
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		156.020.222	1.263.317.674
8. Chi phí bán hàng	25	26.a	21.748.629.953	25.272.433.812
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26.b	6.023.442.075	5.599.707.347
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>753.531.929</u>	<u>(564.904.024)</u>
11. Thu nhập khác	31	27	3.684.937.613	1.940.757.277
12. Chi phí khác	32	28	324.598	51.218.998
13. Lợi nhuận khác	40		<u>3.684.613.015</u>	<u>1.889.538.279</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>4.438.144.944</u>	<u>1.324.634.255</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	900.893.908	290.770.651
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>3.537.251.036</u>	<u>1.033.863.604</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	876	182
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	30	876	182

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.438.144.944	1.324.634.255
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao Tài sản cố định	02	13	1.978.581.767	1.921.959.676
- Các khoản dự phòng	03	25, 26.b	295.664.972	137.147.960
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	24, 27	(3.047.012.729)	(454.332.008)
- Chi phí lãi vay	06	25	156.020.222	1.263.317.674
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		3.821.399.176	4.192.727.557
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		24.211.097.954	16.189.976.981
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.795.758.830)	1.657.396.117
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(212.069.029)	4.266.603.546
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(41.858.732)	540.471.386
- Tiền lãi vay đã trả	14	25	(156.020.222)	(1.263.317.674)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	18	(894.693.891)	(1.069.072.973)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(411.600.000)	(775.900.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		24.520.496.426	23.738.884.940
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(2.555.350.228)	(4.955.043.372)
2. Tiền thu từ TLy, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	27	6.363.636	5.489.772.727
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	24	20.809.004	21.225.950
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.528.177.588)	555.955.305
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đv vay	33	20	108.243.404.928	346.207.245.909
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	20	(113.132.861.600)	(367.506.260.789)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	19, 21	(21.556.260)	(3.166.455.020)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(4.911.012.932)	(24.465.469.900)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		17.081.305.906	(170.629.655)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	6.554.823.133	6.725.452.788
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		23.636.129.039	6.554.823.133